|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **1.a1** | Một người vay 50 triệu, trả góp theo tháng trong vòng 48 tháng, lãi là 1,15%/tháng.  Hỏi hàng tháng phải trả bao nhiêu? |  |
| 2.A | 1 381 316 đồng |  |
| 2.B | 1 361 313 đồng |  |
| 2.C | 1 321 612 đồng |  |
| 2.D | 1 301 618 đồng |  |
| 3.Đáp án | B |  |
| 4.Đáp án chi tiết | Phương pháp: Gọi A là số tiền nợ,a là số tiền trả hàng tháng.  Cuối tháng 1, nợ: \[A\left( {1 + r} \right)\]   Đã trả a đồng nên còn nợ: \[A\left( {1 + r} \right) - a\]  Cuối tháng 2 còn nợ:\[\left[ {A\left( {1 + r} \right) - a} \right]\left( {1 + r} \right) - a = A{\left( {1 + r} \right)^2} - a\left( {1 + r} \right) - a\]  Cuối tháng 3 còn nợ: \[\left( {A{{\left( {1 + r} \right)}^2} - a\left( {1 + r} \right) - a} \right)\left( {1 + r} \right) - a = A{\left( {1 + r} \right)^3} - a{\left( {1 + r} \right)^2} - a\left( {1 + r} \right) - a\]  ...  Cuối tháng n còn nợ: \[A{\left( {1 + r} \right)^n} - a{\left( {1 + r} \right)^{n - 1}} - a{\left( {1 + r} \right)^{n - 2}} - ... - a = A{\left( {1 + r} \right)^n} - a\frac{{{{\left( {1 + r} \right)}^n} - 1}}{r}\]  Để hết nợ sau n tháng thì số tiền a phải trả hàng tháng là: \[a = \frac{{A.r.{{\left( {1 + r} \right)}^n}}}{{{{\left( {1 + r} \right)}^n} - 1}}\]  Giải:  Số tiền phải trả hàng tháng là \[a = \frac{{50000000.0,0115.{{\left( {1 + 0,0115} \right)}^{48}}}}{{{{\left( {1 + 0,0115} \right)}^{48}} - 1}} = 1361313\] |  |
| 5.Level | 3 |  |
| 6.Ghi chú | D08 |  |
| **1.a2** | Cho một tấm bìa hình vuông cạnh 4m. Để làm 1 mô hình kim tự tháp Ai Cập, người ta cắt bỏ 4 tam giác cân bằng nhau có cạnh đáy chính là cạnh của hình vuông rồi gấp lên, ghép lại thành một hình chóp tứ giác đều. Để mô hình có thể tích lớn nhất thì đáy của mô hình là |  |
|  |  |  |
| 2.A | \[\frac{{6\sqrt 2 }}{5}\]m |  |
| 2.B | \[\frac{{9\sqrt 2 }}{5}\]m |  |
| 2.C | \[\frac{{8\sqrt 2 }}{5}\]m |  |
| 2.D | \[2\sqrt 2 \]m |  |
| 3.Đáp án | C |  |
| 4.Đáp án chi tiết | Đặt đỉnh như hình vẽ  Gọi \[x = OM \Rightarrow \] cạnh đáy \[ = \sqrt 2 .x\]  Chiều cao hình chóp:  \[\begin{gathered}  {h^2} = B{M^2} - C{M^2} = H{M^2} + H{B^2} - O{M^2} \hfill \\  = {\left( {2 - x} \right)^2} + {2^2} - {x^2} = 8 - 4x \hfill \\  \end{gathered} \]  \[ \Rightarrow h = 2\sqrt {2 - x} \] |  |
|  |  |  |
|  | Thể tích hình chóp \[V = \frac{1}{3}.2\sqrt {2 - x} {\left( {\sqrt 2 x} \right)^2} = \frac{4}{3}\sqrt {2{x^4} - {x^5}} \]  Để thể tích lớn nhất thì \[2{x^4} - {x^5}\]lớn nhất  Xét \[f\left( x \right) = 2{x^4} - {x^5}\] \[\left( {t \in \left[ {0;2} \right]} \right)\]  \[f'\left( x \right) = 8{x^3} - 5{x^4}\]  \[f'\left( x \right) = 0 \Leftrightarrow \left[ \begin{gathered}  x = 0 \hfill \\  x = \frac{8}{5} \hfill \\  \end{gathered} \right.\] |  |
|  |  |  |
| 5.Level | 3 |  |
| 6.Ghi chú | D07 |  |
| **1.a3** | Tìm tất cả các giá trị của tham số m để phương trình $3\sqrt {x - 1} + m\sqrt {x + 1} = 2\sqrt[4]{{{x^2} - 1}}$có nghiệm |  |
| 2.A | $0 \leqslant m \leqslant \frac{2}{3}$ |  |
| 2.B | $m \leqslant \frac{1}{3}$ |  |
| 2.C | $0 \leqslant m$ |  |
| 2.D | $m \leqslant \frac{2}{3}$ |  |
| 3.Đáp án | B |  |
| 4.Đáp án chi tiết | Điều kiện : $x \geqslant 1$  $3\sqrt {x - 1} + m\sqrt {x + 1} = 2\sqrt[4]{{{x^2} - 1}}$$ \Leftrightarrow 3\frac{{\sqrt {x - 1} }}{{\sqrt {x + 1} }} + m = 2\frac{{\sqrt[4]{{{x^2} - 1}}}}{{\sqrt[4]{{{{(x + 1)}^2}}}}}$ $ \Leftrightarrow 3\sqrt {\frac{{x - 1}}{{x + 1}}} + m = 2\sqrt[4]{{\frac{{x - 1}}{{x + 1}}}}$  Đặt $t = \sqrt[4]{{\frac{{x - 1}}{{x + 1}}}}$ với $x \geqslant 1$ ta có $t \geqslant 0$ thay vào phương trình ta được $m = 2t - 3{t^2} = f(t)$ ta có : $f'(t) = 2 - 6t$ ta có : $f'(t) = 0 \Leftrightarrow t = \frac{1}{3}$ |  |
|  |  |  |
|  | Từ bảng biến thiên ta có để phương trình có nghiệm khi $m \leqslant \frac{1}{3}$ |  |
| 5.Level | 3 |  |
| 6.Ghi chú | D07 |  |
| **1.a4** | Biết rằng số phức z thỏa mãn \[\frac{{\left| {z + 2 - i} \right|}}{{\left| {\overline z + 1 - i} \right|}} = \sqrt 2 \] Tìm giá trị lớn nhất của \[\left| z \right|\] |  |
| 2.A | Max \[\left| z \right| = \sqrt {10} \] |  |
| 2.B | Max \[\left| z \right| = 3 + \sqrt {10} \] |  |
| 2.C | Max \[\left| z \right| = \sqrt {13} \] |  |
| 2.D | Max \[\left| z \right| = 4 + \sqrt {10} \] |  |
| 3.Đáp án | B |  |
| 4.Đáp án chi tiết | Gọi z= x+ yi (x,y \[ \in R\]) ta có  \[\left| {\frac{{z + 2 - i}}{{\overline z + 1 - i}}} \right| = \sqrt 2 \Leftrightarrow \left| {x + 2 + \left( {y - 1} \right)i} \right| = \sqrt 2 \left| {x + 1 - \left( {y + 1} \right)i} \right|\]  \[{\left( {x + 2} \right)^2} + {\left( {y - 1} \right)^2} = 2\left[ {{{\left( {x + 1} \right)}^2} + {{\left( {y + 1} \right)}^2}} \right] \Leftrightarrow {x^2} + {\left( {y + 3} \right)^2} = 10\]  Tập hợp các điểm biểu diễn của z là đường tròn tâm I(0;-3) bán kính \[R = \sqrt {10} \]  M là điểm biểu diễn của z thì \[\left| z \right|\] lớn nhất khi và chỉ khi OM lớn nhất. \[OM = {x^2} + {y^2}\]  Tìm max :\[F\left( y \right) = {x^2} + {y^2} = 10 - {\left( {y + 3} \right)^2} + {y^2} = 1 - 6y\]  Vì \[{x^2} + {\left( {y + 3} \right)^2} = 10\]nên \[{\left( {y + 3} \right)^2} < 10 \Rightarrow - \sqrt {10} - 3 \leqslant y \leqslant \sqrt {10} - 3\]  \[F'\left( y \right) = - 6 < 0\] suy ra hàm số nghịch biến với mọi \[\left[ { - \sqrt {10} - 3;\sqrt {10} - 3} \right]\]  \[F\left( y \right)\]max khi \[y = - \sqrt {10} - 3\]  Max \[\left| z \right| = 3 + \sqrt {10} \] |  |
| 5.Level | 3 |  |
| 6.Ghi chú | D10 |  |
| **1.a5** | **Giả sử ta có hệ thức** ${a^2} + {b^2} = 7ab\,\;\left( {a,b > 0} \right)$**. Hệ thức nào sau đây là đúng ?** |  |
| 2.A | \[2{\log \_2}\left( {a + b} \right) = {\log \_2}a + {\log \_2}b\] |  |
| 2.B | \[2{\log \_2}\left( {\frac{{a + b}}{3}} \right) = {\log \_2}a + {\log \_2}b\] |  |
| 2.C | \[{\log \_2}\left( {\frac{{a + b}}{3}} \right) = 2\left( {{{\log }\_2}a + {{\log }\_2}b} \right)\] |  |
| 2.D | \[4{\log \_2}\left( {\frac{{a + b}}{6}} \right) = {\log \_2}a + {\log \_2}b\] |  |
| 3.Đáp án | **B** |  |
| 4.Đáp án chi tiết | Xét hệ thức${a^2} + {b^2} = 7ab \Leftrightarrow {a^2} + 2ab + {b^2} = 9ab \Leftrightarrow {\left( {a + b} \right)^2} = 9ab$  Vì 2 vế phương trình đều dương, ta logarit cơ số 2 hai vế phương trình ta có :  ${\log \_2}\left[ {{{\left( {a + b} \right)}^2}} \right] = {\log \_2}\left( {9ab} \right) \Leftrightarrow 2{\log \_2}\left( {a + b} \right) = {\log \_2}a + {\log \_2}b + {\log \_2}9$  $\begin{gathered}  \Leftrightarrow 2\left[ {{{\log }\_2}\left( {a + b} \right) - {{\log }\_2}3} \right] = {\log \_2}a + {\log \_2}b \hfill \\  \Leftrightarrow 2{\log \_2}\left( {\frac{{a + b}}{3}} \right) = {\log \_2}a + {\log \_2}b \hfill \\  \end{gathered} $ |  |
| 5.Level | 3 |  |
| 6.Ghi chú | D08 |  |
| **1.a6** | **Cho** ${\log \_2}5 = m;{\log \_3}5 = n$**. Khi đó** ${\log \_6}5$**tính theo m và n là :** |  |
| 2.A | \[\frac{1}{{m + n}}\] |  |
| 2.B | $\frac{{mn}}{{m + n}}$ |  |
| 2.C | \[m + n\] |  |
| 2.D | \[{m^2} + {n^2}\] |  |
| 3.Đáp án | B |  |
| 4.Đáp án chi tiết | ${\log \_6}5 = \frac{1}{{{{\log }\_5}6}} = \frac{1}{{{{\log }\_5}2 + {{\log }\_5}3}} = \frac{1}{{\frac{1}{{{{\log }\_2}5}} + \frac{1}{{{{\log }\_3}5}}}} = \frac{1}{{\frac{1}{m} + \frac{1}{n}}} = \frac{{mn}}{{m + n}}$ |  |
| 5.Level | 3 |  |
| 6.Ghi chú | D08 |  |
| **1.a7** | Khi nuôi cá thí nghiệm trong hồ, một nhà sinh học thấy rằng : Nếu trên mỗi đơn vị diện tích của mặt hồ có n con cá thì trung bình mỗi con cá sau một vụ cân nặng\[P\left( n \right) = 480 - 20n\] (gam). Hỏi phải thả bao nhiêu cá trên một đơn vị diện tích của mặt hồ để sau một vụ thu hoạch được nhiều cá nhất ? |  |
| 2.A | 11 |  |
| 2.B | 12 |  |
| 2.C | 13 |  |
| 2.D | 14 |  |
| 3.Đáp án | B |  |
| 4.Đáp án chi tiết | Số cá thu hoạch được có cân nặng là \[F\left( n \right) = \left( {480 - 20n} \right)n\]  Dùng BĐT cô si \[\sqrt {\left( {480 - 20n} \right).20n} \leqslant \frac{{480 - 20n + 20n}}{4} = 120\]  Dấu bằng xảy ra khi \[480 - 20n = 20n\]\[ \Leftrightarrow n = 12\] |  |
| 5.Level | 3 |  |
| 6.Ghi chú | D07 |  |
| **1.a8** | Cường độ một trận động đất M (richter) được cho bởi công thức \[M = \log A - \log {A\_0}\], với A là biên độ rung chấn tối đa và \[{A\_0}\] là một biên độ chuẩn (hằng số). Đầu thế kỷ 20, một trận động đất ở San Francisco có cường độ 8,3 độ Richter. Trong cùng năm đó, trận động đất khác Nam Mỹ có biên độ mạnh hơn gấp 4 lần. Cường độ của trận động đất ở Nam Mỹ là: |  |
| 2.A | 8.9 |  |
| 2.B | 9.2 |  |
| 2.C | 10.1 |  |
| 2.D | 9.5 |  |
| 3.Đáp án | A |  |
| 4.Đáp án chi tiết | Ta có: \[M = \log A - \log {A\_0} = \log \frac{A}{{{A\_0}}}\]  Trận động đất ở:  San Francisco: \[{M\_1} = 8,3 = \log \frac{{{A\_1}}}{{{A\_0}}}\]  Nam Mỹ: \[{M\_2} = \log \frac{{{A\_2}}}{{{A\_0}}} = \log \frac{{4{A\_1}}}{{{A\_0}}} = \log 4 + {M\_1}\]  \[ \Rightarrow {M\_2} = \log 4 + 8,3 = 8,9\] |  |
| 5.Level | 3 |  |
| 6.Ghi chú | D08 |  |
| **1.a9** | **Hàm số** \[y = f\left( x \right)\]**có đạo hàm trên** \[\mathbb{R}\]**,**\[f'\left( x \right) < 0\,\,\forall x > 0\]**. Biết rằng** \[f\left( 1 \right) = 1\]**, hỏi điều nào sau đây có thể xảy ra?** |  |
| 2.A | \[f\left( 2 \right) + f\left( 4 \right) = 3\] |  |
| 2.B | \[f'\left( 1 \right) = 2\] |  |
| 2.C | \[f\left( {2016} \right) < f\left( {2017} \right)\] |  |
| 2.D | \[f\left( {\frac{1}{2}} \right) = \frac{4}{3}\] |  |
| 3.Đáp án | D |  |
| 4.Đáp án chi tiết | \[f'\left( x \right) < 0\,\,\forall x > 0 \Rightarrow f\left( x \right)\] nghịch biến \[\forall x > 0\]  \[ \Rightarrow f\left( 4 \right) < f\left( 1 \right) = 1 \Rightarrow f\left( 1 \right) + f\left( 4 \right) < 2 \Rightarrow f\left( 1 \right) + f\left( 4 \right) = 3\](vô lý)  \[f'\left( 5 \right) = 3\]mà \[f'\left( x \right) < 0\,\,\forall x > 0 \Rightarrow f'\left( 5 \right) = 3\] (vô lý)  \[2016 < 2017 \Rightarrow f\left( {2016} \right) > f\left( {2017} \right)\]  \[ \Rightarrow f\left( {2016} \right) < f\left( {2017} \right)\](vô lý) |  |
| 5.Level | 3 |  |
| 6.Ghi chú | D07 |  |
| **1.a10** | Nếu Giang gửi hàng năm vào ngân hàng số tiền là \[{P\_0}\] triệu đồng. Hỏi sau bao lâu Giang có được số tiền gấp 100 lần số tiền gửi hàng năm biết rằng lãi suất của ngân hàng là 10,4%/năm. (giả sử lãi suất không thay đổi) |  |
| 2.A | 47 năm |  |
| 2.B | 38 năm |  |
| 2.C | 24 năm |  |
| 2.D | 18 năm |  |
| 3.Đáp án | C |  |
| 4.Đáp án chi tiết | Phương pháp :Gọi tiền gốc là P, lãi xuất là r %/tháng  Cuối tháng 1 có số tiền là: \[{P\_1} = P\left( {1 + r} \right)\]  Cuối tháng 2 có số tiền là : \[{P\_2} = \left[ {P\left( {1 + r} \right) + P} \right]\left( {1 + r} \right) = P{\left( {1 + r} \right)^2} + P\left( {1 + r} \right)\]  Cuối tháng thứ n có số tiền là  \[{P\_n} = P{\left( {1 + r} \right)^n} + P{\left( {1 + r} \right)^{n - 1}} + ... + P\left( {1 + r} \right) = P\left( {1 + r} \right)\left[ {{{\left( {1 + r} \right)}^{n - 1}} + {{\left( {1 + r} \right)}^{n - 2}} + .. + 1} \right]\]  Số tiền cả gốc lẫn lãi sau n tháng là \[{P\_n} = \frac{P}{r}\left( {1 + r} \right)\left[ {{{\left( {1 + r} \right)}^n} - 1} \right]\]  Giải:  Số tiền nhận được là:  \[\begin{gathered}  {P\_n} = \frac{P}{{0,104}}\left( {1 + 0,104} \right)\left[ {{{\left( {1 + 0,104} \right)}^n} - 1} \right] = 100P \hfill \\  \Rightarrow n = 24 \hfill \\  \end{gathered} \] |  |
| 5.Level | 3 |  |
| 6.Ghi chú | D08 |  |
| **1.a11** |  |  |
| 2.A |  |  |
| 2.B |  |  |
| 2.C |  |  |
| 2.D |  |  |
| 3.Đáp án |  |  |
| 4.Đáp án chi tiết |  |  |
| 5.Level |  |  |
| 6.Ghi chú |  |  |
| **1.a12** |  |  |
| 2.A |  |  |
| 2.B |  |  |
| 2.C |  |  |
| 2.D |  |  |
| 3.Đáp án |  |  |
| 4.Đáp án chi tiết |  |  |
| 5.Level |  |  |
| 6.Ghi chú |  |  |
| **1.a13** |  |  |
| 2.A |  |  |
| 2.B |  |  |
| 2.C |  |  |
| 2.D |  |  |
| 3.Đáp án |  |  |
| 4.Đáp án chi tiết |  |  |
| 5.Level |  |  |
| 6.Ghi chú |  |  |
| **1.a14** |  |  |
| 2.A |  |  |
| 2.B |  |  |
| 2.C |  |  |
| 2.D |  |  |
| 3.Đáp án |  |  |
| 4.Đáp án chi tiết |  |  |
| 5.Level |  |  |
| 6.Ghi chú |  |  |
| **1.a15** |  |  |
| 2.A |  |  |
| 2.B |  |  |
| 2.C |  |  |
| 2.D |  |  |
| 3.Đáp án |  |  |
| 4.Đáp án chi tiết |  |  |
| 5.Level |  |  |
| 6.Ghi chú |  |  |
| **1.a16** |  |  |
| 2.A |  |  |
| 2.B |  |  |
| 2.C |  |  |
| 2.D |  |  |
| 3.Đáp án |  |  |
| 4.Đáp án chi tiết |  |  |
| 5.Level |  |  |
| 6.Ghi chú |  |  |
| **1.a17** |  |  |
| 2.A |  |  |
| 2.B |  |  |
| 2.C |  |  |
| 2.D |  |  |
| 3.Đáp án |  |  |
| 4.Đáp án chi tiết |  |  |
| 5.Level |  |  |
| 6.Ghi chú |  |  |
| **1.a18** |  |  |
| 2.A |  |  |
| 2.B |  |  |
| 2.C |  |  |
| 2.D |  |  |
| 3.Đáp án |  |  |
| 4.Đáp án chi tiết |  |  |
| 5.Level |  |  |
| 6.Ghi chú |  |  |
| **1.a19** |  |  |
| 2.A |  |  |
| 2.B |  |  |
| 2.C |  |  |
| 2.D |  |  |
| 3.Đáp án |  |  |
| 4.Đáp án chi tiết |  |  |
| 5.Level |  |  |
| 6.Ghi chú |  |  |
| **1.a20** |  |  |
| 2.A |  |  |
| 2.B |  |  |
| 2.C |  |  |
| 2.D |  |  |
| 3.Đáp án |  |  |
| 4.Đáp án chi tiết |  |  |
| 5.Level |  |  |
| 6.Ghi chú |  |  |
| **1.a21** |  |  |
| 2.A |  |  |
| 2.B |  |  |
| 2.C |  |  |
| 2.D |  |  |
| 3.Đáp án |  |  |
| 4.Đáp án chi tiết |  |  |
| 5.Level |  |  |
| 6.Ghi chú |  |  |
| **1.a22** |  |  |
| 2.A |  |  |
| 2.B |  |  |
| 2.C |  |  |
| 2.D |  |  |
| 3.Đáp án |  |  |
| 4.Đáp án chi tiết |  |  |
| 5.Level |  |  |
| 6.Ghi chú |  |  |
| **1.a23** |  |  |
| 2.A |  |  |
| 2.B |  |  |
| 2.C |  |  |
| 2.D |  |  |
| 3.Đáp án |  |  |
| 4.Đáp án chi tiết |  |  |
| 5.Level |  |  |
| 6.Ghi chú |  |  |
| **1.a24** |  |  |
| 2.A |  |  |
| 2.B |  |  |
| 2.C |  |  |
| 2.D |  |  |
| 3.Đáp án |  |  |
| 4.Đáp án chi tiết |  |  |
| 5.Level |  |  |
| 6.Ghi chú |  |  |
| **1.a25** |  |  |
| 2.A |  |  |
| 2.B |  |  |
| 2.C |  |  |
| 2.D |  |  |
| 3.Đáp án |  |  |
| 4.Đáp án chi tiết |  |  |
| 5.Level |  |  |
| 6.Ghi chú |  |  |
| **1.a26** |  |  |
| 2.A |  |  |
| 2.B |  |  |
| 2.C |  |  |
| 2.D |  |  |
| 3.Đáp án |  |  |
| 4.Đáp án chi tiết |  |  |
| 5.Level |  |  |
| 6.Ghi chú |  |  |
| **1.a27** |  |  |
| 2.A |  |  |
| 2.B |  |  |
| 2.C |  |  |
| 2.D |  |  |
| 3.Đáp án |  |  |
| 4.Đáp án chi tiết |  |  |
| 5.Level |  |  |
| 6.Ghi chú |  |  |
| **1.a28** |  |  |
| 2.A |  |  |
| 2.B |  |  |
| 2.C |  |  |
| 2.D |  |  |
| 3.Đáp án |  |  |
| 4.Đáp án chi tiết |  |  |
| 5.Level |  |  |
| 6.Ghi chú |  |  |
| **1.a29** |  |  |
| 2.A |  |  |
| 2.B |  |  |
| 2.C |  |  |
| 2.D |  |  |
| 3.Đáp án |  |  |
| 4.Đáp án chi tiết |  |  |
| 5.Level |  |  |
| 6.Ghi chú |  |  |
| **1.a30** |  |  |
| 2.A |  |  |
| 2.B |  |  |
| 2.C |  |  |
| 2.D |  |  |
| 3.Đáp án |  |  |
| 4.Đáp án chi tiết |  |  |
| 5.Level |  |  |
| 6.Ghi chú |  |  |
| **1.a31** |  |  |
| 2.A |  |  |
| 2.B |  |  |
| 2.C |  |  |
| 2.D |  |  |
| 3.Đáp án |  |  |
| 4.Đáp án chi tiết |  |  |
| 5.Level |  |  |
| 6.Ghi chú |  |  |
| **1.a32** |  |  |
| 2.A |  |  |
| 2.B |  |  |
| 2.C |  |  |
| 2.D |  |  |
| 3.Đáp án |  |  |
| 4.Đáp án chi tiết |  |  |
| 5.Level |  |  |
| 6.Ghi chú |  |  |
| **1.a33** |  |  |
| 2.A |  |  |
| 2.B |  |  |
| 2.C |  |  |
| 2.D |  |  |
| 3.Đáp án |  |  |
| 4.Đáp án chi tiết |  |  |
| 5.Level |  |  |
| 6.Ghi chú |  |  |
| **1.a34** |  |  |
| 2.A |  |  |
| 2.B |  |  |
| 2.C |  |  |
| 2.D |  |  |
| 3.Đáp án |  |  |
| 4.Đáp án chi tiết |  |  |
| 5.Level |  |  |
| 6.Ghi chú |  |  |
| **1.a35** |  |  |
| 2.A |  |  |
| 2.B |  |  |
| 2.C |  |  |
| 2.D |  |  |
| 3.Đáp án |  |  |
| 4.Đáp án chi tiết |  |  |
| 5.Level |  |  |
| 6.Ghi chú |  |  |
| **1.a36** |  |  |
| 2.A |  |  |
| 2.B |  |  |
| 2.C |  |  |
| 2.D |  |  |
| 3.Đáp án |  |  |
| 4.Đáp án chi tiết |  |  |
| 5.Level |  |  |
| 6.Ghi chú |  |  |
| **1.a37** |  |  |
| 2.A |  |  |
| 2.B |  |  |
| 2.C |  |  |
| 2.D |  |  |
| 3.Đáp án |  |  |
| 4.Đáp án chi tiết |  |  |
| 5.Level |  |  |
| 6.Ghi chú |  |  |
| **1.a38** |  |  |
| 2.A |  |  |
| 2.B |  |  |
| 2.C |  |  |
| 2.D |  |  |
| 3.Đáp án |  |  |
| 4.Đáp án chi tiết |  |  |
| 5.Level |  |  |
| 6.Ghi chú |  |  |
| **1.a39** |  |  |
| 2.A |  |  |
| 2.B |  |  |
| 2.C |  |  |
| 2.D |  |  |
| 3.Đáp án |  |  |
| 4.Đáp án chi tiết |  |  |
| 5.Level |  |  |
| 6.Ghi chú |  |  |
| **1.a40** |  |  |
| 2.A |  |  |
| 2.B |  |  |
| 2.C |  |  |
| 2.D |  |  |
| 3.Đáp án |  |  |
| 4.Đáp án chi tiết |  |  |
| 5.Level |  |  |
| 6.Ghi chú |  |  |